

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Thanh Đa

Mã đơn vị: 1042552

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 04b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại là: Nghìn đồng

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	12	17.636,650	1.135.872.435	1.133.976.408	17.647				
1.1	Đất	1	7.888,200	1.054.652.340	1.054.652.340	7.888				
1	Đất công trình sự nghiệp	1	7.888,200	1.054.652.340	1.054.652.340	7.888				
1.2	Nhà	1	9.748,450	79.998.377	78.398.409	9.748				
1	Nhà trường	1	9.748,450	79.998.377	78.398.409	9.748				
1.3	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác	10		1.221.718	925.658	10				
1	Thảm cầu lông Enlio 29145	1		32.890	29.601	1				
2	Bàn ghế học sinh (25 bộ)	1		31.050	27.945	1				
3	Bàn họp và 10 ghế văn phòng chân quỳ	1		27.432	24.689	1				
4	Ghế học sinh	1		26.136	26.136	1				
5	Mái che sân trường- phần 1	1		323.712	226.598	1				
6	Mái che sân trường- phần 2	1		406.594	284.616	1				
7	mái che từ nhà xe giáo viên vô trường	1		64.906	45.434	1				
8	Màn hình Led P2.5 phòng hội đồng, kích thước 1200 x 2200mm- Hợp đồng số439/2025-HD-HĐMB	1		49.790	49.790	1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
9	Màn hình Led sân khấu	1		241.795	193.436	1				
10	Máy lạnh phòng hội đồng 01 bộ và công lắp đặt	1		17.413	17.413	1				
2	Xe ô tô									
2.1	<i>Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh</i>									
2.2	<i>Xe ô tô phục vụ công tác chung</i>									
2.3	<i>Xe ô tô chuyên dùng</i>									
2.4	<i>Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước</i>									
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)									
4	Máy móc, thiết bị	1.309		7.107.186	67.279	1.309				
4.1	<i>Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh</i>	88		1.091.835	44.032	88				
1	bàn hs phong LAB	24		67.200		24				
2	Bộ máy vi tính (CPU, màn hình, bàn phím, chuột) để bàn làm việc.	1		13.956		1				
3	Bộ máy vi tính (CPU+2màn hình+bàn phím + chuột)	1		13.956		1				
4	Bộ máy vi tính gồm CPU + màn hình dùng hỗ trợ dạy trực tuyến	1		13.956		1				
5	Bộ máy vi tính gồm cpu, màn hình, bàn phím, chuột	1		13.956		1				
6	Bộ máy vi tính phục vụ hội đồng thi	1		13.956		1				
7	Laptop Dell Inspiron N4030	1		16.795		1				
8	Laptop Toshiba	1		19.887		1				
9	Máy came máy tính bàn	1		13.956		1				
10	Máy điều hòa Panasonic	1		12.845		1				
11	máy in	7		38.500		7				
12	Máy lạnh	1		20.600		1				
13	Máy lạnh	1		20.600		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
14	Máy lạnh	1		20.600		1				
15	Máy lạnh	1		20.600		1				
16	Máy lạnh 2 cục 2 HP	1		20.600		1				
17	Máy lạnh Alaska	7		103.787	38.920	7				
18	Máy lạnh Alaska	1		20.600		1				
19	Máy lạnh ALASKA + điều khiển	1		20.600		1				
20	Máy lạnh Aqua 2HP	1		20.600		1				
21	Máy lạnh Aqua 2HP	1		20.600		1				
22	Máy lạnh Daikin	1		20.600		1				
23	Máy lạnh Daikin	1		20.600		1				
24	Máy lạnh Daikin 2HP	1		20.600		1				
25	Máy lạnh Daikin 2HP	1		20.600		1				
26	Máy lạnh Daikin 2HP	1		20.600		1				
27	Máy lạnh Panasonic	1		20.600		1				
28	Máy lạnh TCL	1		13.631	5.112	1				
29	Máy lạnh TCL	1		20.600		1				
30	Máy photo Bizhub 250	1		63.000		1				
31	Máy photo Toshiba	1		16.500		1				
32	Máy photo Toshiba	1		26.325		1				
33	Máy quay Roneo	1		25.000		1				
34	Máy Scan HP 7800 + PM trắc nghiệm	1		35.000		1				
35	Máy tính bàn	1		13.956		1				
36	Máy tính bàn	1		13.956		1				
37	Máy tính bàn và CPU	1		13.956		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
38	Máy tính FPT Elead	1		13.956		1				
39	Máy tính giáo viên i5-6400/GA-H110M-S2V	1		13.956		1				
40	Máy tính giáo viên i5-6400/GA-H110M-S2V	1		13.956		1				
41	Máy tính hiệu FPT Elead	1		13.956		1				
42	Máy tính HP	1		13.956		1				
43	Máy tính sa ma	1		13.956		1				
44	Tủ	1		6.245		1				
45	Tủ hồ sơ	4		68.200		4				
46	Tủ hồ sơ	1		15.000		1				
47	tủ hồ sơ có kính	4		24.980		4				
4.2	<i>Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung</i>	1.221		6.015.351	23.247	1.221				
1	Bàn có học	56		216.160		56				
2	Bàn có học	9		34.740		9				
3	Bàn để máy tính	7		22.932		7				
4	Bàn gỗ	4		15.792	13.818	4				
5	Bàn học sinh	23		64.400		23				
6	Bàn họp ovan	1		36.880		1				
7	Bàn làm việc	1		11.000		1				
8	Bàn làm việc	1		10.000		1				
9	Bàn làm việc	4		15.792		4				
10	Bàn làm việc	4		15.792		4				
11	Bàn làm việc	3		11.844		3				
12	Bàn làm việc có học	18		71.064		18				
13	Bàn làm việc không học	24		157.608		24				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
14	Bàn ovan gỗ ép	6		68.940		6				
15	Bàn quỳ	1		20.000		1				
16	Bàn thí nghiệm 2 chỗ dành cho học sinh	24		133.920		24				
17	Bàn thí nghiệm 2 chỗ dành cho học sinh	24		133.920		24				
18	Bàn thí nghiệm hs (bàn đôi)	23		95.680		23				
19	Bàn thí nghiệm Sinh dành cho giáo viên	2		11.480		2				
20	Bàn vi tính	3		11.400		3				
21	Bàn vi tính học sinh 2 chỗ	23		87.400		23				
22	Bàn vi tính học sinh 2 chỗ	23		87.400		23				
23	Bộ 1 bàn 2 ghế học sinh	264		467.280		264				
24	Bộ 1 bàn 2 ghế học sinh	138		244.260		138				
25	Bộ 1 bàn 2 ghế học sinh	24		42.480		24				
26	Bộ 1 bàn 2 ghế học sinh	240		424.800		240				
27	Bộ bàn giáo viên + ghế	11		43.428		11				
28	Bộ bàn giáo viên + ghế	11		43.428		11				
29	Bộ bàn giáo viên + ghế	7		27.636		7				
30	Bộ bàn giáo viên + ghế	11		43.428		11				
31	Dàn âm thanh	1		43.806		1				
32	hệ thống âm thanh	1		72.400		1				
33	Kệ lưu trữ hồ sơ (chiếc)	1		10.000		1				
34	Kệ lưu trữ hồ sơ (đôi)	2		24.000		2				
35	Loa Ariang, âm ly	1		62.381		1				
36	Máy chiếu ACCR	1		28.760		1				
37	Máy chiếu Acer + màn chiếu điện	1		28.760		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
38	Máy chiếu Acer + màn chiếu điện	1		28.760		1				
39	Máy chiếu BenQ + màn chiếu điện	1		28.760		1				
40	Máy chiếu di động	2		57.520		2				
41	Máy chiếu Sanyo PLC XU35	1		66.777		1				
42	Máy chiếu SoNy	1		28.760		1				
43	Máy chiếu Sony DX 140	1		20.746		1				
44	Máy chiếu Sony DX 140	1		19.778		1				
45	Máy chiếu Sony VPL - DX 140	1		19.877		1				
46	Máy chiếu Sony VPL - DX 140	1		19.877		1				
47	Máy chiếu Sony VPL - EX272	1		21.890		1				
48	Máy chiếu Sony VPL CX120	1		29.531		1				
49	Máy chiếu Sony VPL CX150	1		39.028		1				
50	Máy chiếu Sony VPL CX21	1		22.000		1				
51	Máy chiếu Sony VPL CX21	1		22.000		1				
52	Máy chiếu Sony VPL EX120	1		22.591		1				
53	Máy chiếu Toshiba TDP S25	1		17.336		1				
54	Máy chiếu Toshiba TDP T90	1		36.798		1				
55	Máy chiếu tương tác + điều khiển	1		28.760		1				
56	Máy chủ IBM	1		31.889		1				
57	Máy in HP 5200	1		25.240		1				
58	Máy in HP LaserJet P2035	2		11.000		2				
59	máy lạnh	1		20.600		1				
60	máy lạnh 2HP	1		20.600		1				
61	Máy lạnh Alarka	1		20.600		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
62	Máy lạnh Dakin	1		20.600		1				
63	Máy nước uống nóng lạnh	1		15.000		1				
64	Máy photo Tosiba	1		92.500		1				
65	Máy tính bàn	2		27.912		2				
66	Máy tính bàn(học sinh)	13		123.500		13				
67	Máy tính học sinh Pentium-G4400/GA-H110M-S2V	45		427.500		45				
68	Máy tính học sinh Pentium-G4400/GA-H110M-S2V	45		427.500		45				
69	Máy tính Intel Core 2 Duo E2140 1.6 GHz	1		10.000		1				
70	Máy tính Intel Core 2 Duo E2140 1.6 GHz	1		13.000		1				
71	Máy tính Intel Core 2 Duo E4500 2.2 GHz	2		27.454		2				
72	Máy tính Intel Core 2 Duo E4500 2.2 GHz	2		26.720		2				
73	Máy tính Intel Core 2 Duo E7500 2.9 GHz	2		23.814		2				
74	Máy tính Intel Core 2 Duo E7500 2.9 GHz	1		13.734		1				
75	Máy tính Intel Core 2 Duo E7500 2.9 GHz	1		10.162		1				
76	Máy tính Intel Core 2 Duo E7600 3.0 GHz	1		12.852		1				
77	Máy tính Intel Core 2 Duo E8400 3.0 GHz	2		26.720		2				
78	Máy tính Intel Core i5	2		23.782		2				
79	Máy tính Intel Pentium IV 2.8 GHz	1		22.572		1				
80	Máy tính Intel Pentium IV 2.8 GHz	1		15.127		1				
81	Máy tính Intel Pentium IV 3.2 GHz	1		14.520		1				
82	Máy tính Sama	6		83.736		6				
83	Máy vi tính F20RAA	3		41.868		3				
84	Máy vi tính hp	1		13.956		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
85	Máy vi tính Intel Core i3	1		11.264		1				
86	Máy vi tính Intel Core i3	3		32.951		3				
87	Máy vi tính Intel Core i5	2		25.366		2				
88	Máy vi tính Intel Core i5	1		11.980		1				
89	Máy vi tính Intel Core i7	1		16.093		1				
90	Thiết bị âm thanh	1		68.381		1				
91	Thiết bị camera quan sát	1		23.573	9.429	1				
92	Thiết bị Lab Wiscom Multimedia LWM 9200	1		145.000		1				
93	Tivi samsung 40 in	1		34.780		1				
94	Tivi sámsung	1		34.780		1				
95	Tivi sámsung	1		34.780		1				
96	Tivi sámsung	1		34.780		1				
97	Tủ đựng dụng cụ	3		18.735		3				
98	Tủ đựng dụng cụ thí nghiệm	6		37.470		6				
99	Tủ gỗ	2		12.490		2				
100	Tủ gỗ	2		12.490		2				
101	Tủ gỗ có kiếng	1		6.245		1				
102	Tủ gỗ ép+ kính	9		56.205		9				
103	Tủ hồ sơ 8 cánh	4		34.624		4				
104	Tủ inox đựng thiết bị	1		11.600		1				
105	Tủ inox đựng thiết bị	1		12.740		1				
106	Tủ kệ bếp	2		116.400		2				
107	Tủ kính	3		18.735		3				
108	Tủ kính lùa	2		12.490		2				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
17	Ghế thí nghiệm học sinh, mặt gỗ, chân inox	49		22.981		49				
18	Ghế thí nghiệm học sinh, mặt gỗ, chân inox	48		22.512		48				
19	Ghế thí nghiệm hs (ghế đơn)	45		21.105		45				
20	Giường sắt	12		31.440		12				
21	Giường sắt	4		10.480		4				
22	hệ thống Thùng điều khiển lab	1		145.000		1				
23	Kính hiển vi XSP-35	12		52.200		12				
24	Máy bắn tập	1		18.500		1				
25	Máy bắn tập	1		18.500		1				
26	Máy bắn tập	1		48.300	10.868	1				
27	Mô hình súng AK và lưu đạn gang	1		30.355	6.830	1				
28	Thiết bị GDQP	1		47.638		1				
29	Thiết bị ngoại ngữ	4		723.378		4				
30	Tủ cá nhân	2		32.000		2				
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)									
TỔNG CỘNG		1.962	17.636,65 0	1.144.588.686	1.134.094.698	19.597				

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Lan Anh
Dặng Lan Anh

....., ngày 06 tháng 4 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Khánh Vân

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
109	Tủ phòng thí nghiệm 16 khay nhựa	3		23.502		3				
110	Tủ phòng thí nghiệm 16 khay nhựa	3		23.502		3				
111	Tủ thí nghiệm có khay	2		15.668		2				
112	Tủ thí nghiệm không khay	2		12.490		2				
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng									
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm									
6	Tài sản cố định đặc thù									
7	Tài sản cố định hữu hình khác	641		1.609.065	51.011	641				
1	Bàn học sinh (không bao gồm ghế)	1		31.536	19.710	1				
2	Bảng từ viết phấn	11		37.752		11				
3	Bảng từ viết phấn	11		37.752		11				
4	Bảng từ viết phấn	7		24.024		7				
5	Bảng từ viết phấn	11		37.752		11				
6	Bộ trống Pearl T kích 22	1		13.604	13.604	1				
7	Ghế gỗ	9		12.780		9				
8	Ghế gỗ	11		15.620		11				
9	Ghế học sinh	47		17.766		47				
10	Ghế inox nệm mút, tựa lưng	78		39.000		78				
11	Ghế inox, nệm mút	60		30.000		60				
12	Ghế nệm inox	57		28.500		57				
13	Ghế nệm sắt	39		14.742		39				
14	Ghế sắt có nệm	26		9.828		26				
15	Ghế sắt xếp học sinh	45		17.010		45				
16	Ghế sắt xếp học sinh	45		17.010		45				

STT	Tên tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Khai thác		Kinh doanh		Cho thuê		Liên doanh, liên kết		Số tiền thu được trong năm	Chi phí	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	Số tiền giữ lại
						Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung																
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng																
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm																
6	Tài sản cố định đặc thù																
7	Tài sản cố định hữu hình khác																
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)																
Tổng cộng																	

Ngày 06 tháng 4 năm 2026

Người lập báo cáo

Lan Anh

Đặng Lan Anh

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Ngọc Khánh Vân

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Thanh Đa

Mã đơn vị: 1042552

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 04a-CK/TSC

CÔNG KHAI VIỆC HÌNH THÀNH TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
Năm 2025

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm				80.807				
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp				67.203				
1.1	Đất								
1.2	Nhà								
1.3	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác				67.203				
	Màn hình Led P2.5 phòng hội đồng, kích thước 1200 x 2200mm- Hợp đồng số439/2025-HD-HĐMB		1		49.790				
	Máy lạnh phòng hội đồng 01 bộ và công lắp đặt	Cái	1		17.413				
2	Xe ô tô								
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh								
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung								
2.3	Xe ô tô chuyên dùng								
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước								
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)								
4	Máy móc, thiết bị								
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh								

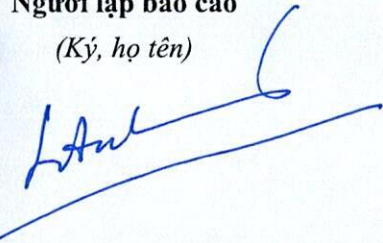


STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung								
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng								
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm								
6	Tài sản cố định đặc thù								
7	Tài sản cố định hữu hình khác				13.604				
	Bộ trống Pearl T kích 22		1		13.604				
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)								
II	Tài sản giao mới				241.795				
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp				241.795				
1.1	Đất								
1.2	Nhà								
1.3	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác				241.795				
	Màn hình Led sân khấu	Cái	1		241.795				
2	Xe ô tô								
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh								
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung								
2.3	Xe ô tô chuyên dùng								
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước								
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)								
4	Máy móc, thiết bị								
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh								
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung								
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng								

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm								
6	Tài sản cố định đặc thù								
7	Tài sản cố định hữu hình khác								
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)								
III	Tài sản đi thuê								
IV	Tài sản nhận điều chuyển								
	Tổng cộng				322.602				


Ngày 06 tháng 4 năm 2026

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)


Đặng Lan Anh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Khánh Vân

